

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA G NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HS-ST

Ngày 27 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA G NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan

Ông Nguyễn Văn Khiển

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Ngàn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị A, sinh ngày 14/5/1972 tại huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tổ 5, phường CL, thành phố S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: G Nam; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chi cục trưởng Chi cục X, từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 là Công chức Phòng Kỹ thuật bảo quản - Cục Y; Là Đảng viên Đảng Cộng sản G Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 26-QĐ/UBKTĐUK ngày 18/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các CQ và doanh nghiệp tỉnh; Con ông: Nguyễn A1 (đã chết) và bà Nguyễn A2; Bị cáo có chồng là Nguyễn A3 và có 01 người con; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 23/02/2023 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn B, sinh ngày 03/4/1989 tại huyện PY, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: G Nam; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trưởng bộ phận Tài vụ quản trị kiêm kế toán trưởng Chi cục X; Là Đảng viên Đảng Cộng sản G Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 27-QĐ/UBKTĐUK ngày 18/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các CQ và doanh nghiệp tỉnh; Con ông: Nguyễn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B2; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị B3 và có 01 người con; Tiền án; tiền sự:

Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/8/1962 tại huyện VC, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Bản M, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 10/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: G Nam; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chi cục trưởng Chi cục X - nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 7 năm 2020; Là Đảng viên Đảng Cộng sản G Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 77- QĐ/UBKTHU ngày 03/10/2022 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện PY; Con ông: Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị C2 (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Phạm Thị C3 và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị C3. Sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Bản M, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Chị Hoàng Thị B3. Sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chi cục X. Địa chỉ: Tiểu khu BB, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn X2 - Phó Chi cục trưởng. Có mặt.

4. Cục Y. Địa chỉ: Số 348 CVT, phường CL, thành phố S. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Y - Cục trưởng; Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh Y1. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn D, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Tiểu khu CQ, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Lò Văn E, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Bản KH, xã CK, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Thế F, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Hoàng Quốc G, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Anh Lê G H, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chi cục X (viết tắt: Chi cục X) trực thuộc Cục Y, có chức năng quản lý trực tiếp hàng dự trữ quốc gia trên địa bàn. Hàng năm, Chi cục X thực hiện việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia (lương thực, muối, vật tư thiết bị...) theo lệnh nhập, xuất của Cục Y. Nguồn kinh phí hoạt động do Cục Y giao theo quyết định dự toán ngân sách và quyết toán hàng năm, trong đó có nguồn kinh phí bốc xếp hàng dự trữ quốc gia nhập, xuất kho của Chi cục và thực hiện theo Quyết định số 825/QĐ-TCDDT ngày 26/12/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục dự trữ Nhà nước, Quyết định số 32/QĐ-CDTTB ngày 03/02/2020 của Cục Y quy định mức chi cho nhóm các nội dung chi đối với chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ Quốc gia. Theo đó, mức chi phí nhập kho gạo tại các chi cục tối đa là 145.000 đồng/tấn; mức chi phí xuất kho gạo tại các chi cục tối đa là 140.000 đồng/tấn. Nguyễn Văn C (Nguyên Chi Cục trưởng Chi cục X giai đoạn từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2020); Nguyễn Thị A (Nguyên Chi Cục trưởng Chi cục X giai đoạn từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2022) và Nguyễn B (kế toán Chi cục X) đã câu kết, thông đồng cùng nhau lập khống hồ sơ thuê nhân công bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế sau đó rút tiền công chênh lệch chia nhau, làm thiệt hại tài sản là ngân sách nhà nước. Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nguyễn Văn C và Nguyễn B:

Nguyễn Văn C được bổ nhiệm chức vụ Chi Cục trưởng Chi cục X từ ngày 28/5/2018 theo Quyết định số 105/QĐ-CDTTB ngày 28/5/2018 của Cục trưởng Cục Y;

Nguyễn B được giao phụ trách kế toán Chi cục X từ ngày 25/02/2019 theo Quyết định số 31/QĐ-CDTTB và bổ nhiệm Trưởng bộ phận Tài vụ quản trị, kiêm Kế toán trưởng Chi cục X từ ngày 01/4/2020 theo Quyết định số 105/QĐ-CDTTB ngày 01/4/2020 của Cục trưởng Cục Y.

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020, Chi cục X được Cục Y giao nhập 2.400 tấn gạo theo Lệnh nhập kho số 284/LN-CDTTB ngày 28/5/2020 và xuất 542,919 tấn gạo theo Lệnh xuất kho số 91/LX-CDTTB ngày 27/02/2020, số 119/ LX-CDTTB ngày 11/3/2020. Tổng khối lượng gạo nhập, xuất là 2.942,919 tấn.

Để bốc, xếp số lượng gạo trên, Nguyễn Văn C thuê tổ bốc vác do Bùi Văn D, trú tại tiểu khu TN, thị trấn NTMC, huyện MC đại diện, thực hiện với đơn giá 34.000 đồng/tấn.

Để thanh, quyết toán tiền bốc xếp này, C đã chỉ đạo Nguyễn B tìm người đứng tên hợp đồng bốc vác gạo thuê cho Chi cục X, đồng thời lập 03 hồ sơ thanh toán bốc vác khống với đơn giá không đúng thực tế 95.000 đồng/tấn (theo 03 đợt nhập, xuất trên giấy rút dự toán ngân sách đề các ngày 17/3/2020, xuất 421,549 tấn; ngày 19/3/2020, xuất 121,370 tấn; ngày 19/6/2020 nhập 2.400 tấn). Căn cứ biểu mẫu hướng dẫn của Cục Y, B mượn Chứng minh nhân dân (bản

photo) cùng số tài khoản ngân hàng Agribank 7902205107933 của Nguyễn Thế F, trú tại tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC (chú rể vợ B) để đưa vào 03 hồ sơ thanh, quyết toán lập không. Sau đó, B trình C ký hoàn thiện thủ tục để thanh, quyết toán tiền bốc xếp sát với định mức của Cục Y.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Nguyễn Văn C, Nguyễn B ký Giấy rút dự toán ngân sách và Bảng kê chứng từ thanh toán để Kho bạc nhà nước MC thanh toán tiền bốc vác vào tài khoản của Nguyễn Thế F. Tổng số tiền Kho bạc nhà nước MC chuyển vào tài khoản của F theo Giấy rút dự toán ngân sách các ngày 17/3/2020, 19/3/2020 và ngày 19/6/2020 là 254.161.200 đồng (sau trừ 10% thuế thu nhập cá nhân).

Để rút được số tiền trên, B nhờ F cùng B ra ngân hàng Agribank để F ký thủ tục rút tiền, sau đó chuyển lại toàn bộ tiền rút được cho B. B chuyển số tiền nhận được từ F cho C. Đối với 254.161.200 đồng, C trực tiếp chi trả tiền bốc vác thực tế 34.000 đồng/01 tấn x 2.942,919 tấn = 100.059.200 đồng cho Bùi Văn D. Số tiền 154.102.000 đồng chênh lệch còn lại C, B quản lý, sử dụng.

2. Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của Nguyễn Thị A và Nguyễn B:

Nguyễn Thị A được điều động, bổ nhiệm Chi Cục trưởng Chi cục X từ ngày 01/7/2020 theo Quyết định số 172/QĐ-CDTTB ngày 30/6/2020 của Cục trưởng Cục Y.

Trong giai đoạn từ ngày 01/7/2020 đến ngày 12/5/2022, Chi cục X được Cục Y giao nhập 6.900 tấn gạo theo các Lệnh nhập kho số 154, 155, 156/LN-CDTTB ngày 26/3/2021, số 209/LN-CDTTB ngày 04/4/2022, số 218/LN-CDTTB ngày 05/4/2022, số 224/LN-CDTTB ngày 07/4/2022 và xuất 4.407,733 tấn gạo theo Lệnh xuất kho số 419/LX-CDTTB ngày 10/9/2020, số 423/LX-CDTTB ngày 11/9/2020, số 99/LX-CDTTB ngày 25/02/2022, số 153/LX-CDTTB ngày 23/3/2022, số 160/LX-CDTTB ngày 28/3/2022. Tổng khối lượng gạo nhập, xuất là 11.307,733 tấn).

Để bốc, xếp số lượng gạo trên, Nguyễn Thị A thuê tổ bốc vác do Lò Văn E, trú tại tiểu khu TN, thị trấn NTMC, huyện MC đại diện, thực hiện với đơn giá 34.000 đồng/tấn. Khi lập 06 hồ sơ thanh, quyết toán tiền bốc xếp đối với số gạo trên (theo các đợt nhập, xuất trên giấy rút dự toán ngân sách đề các ngày 11/10/2020, xuất 2.398,800 tấn; ngày 05/5/2021, nhập 3.000 tấn; ngày 23/3/2022 xuất 1.002,343 tấn, ngày 29/3/2022 xuất 107,100 tấn, ngày 13/4/2022 xuất 899,490 tấn, ngày 12/5/2022 nhập 3.900 tấn), B trao đổi với A lập hồ sơ đứng tên những người thân trong gia đình B với đơn giá không đúng thực tế (năm 2020, 2021 là 95.000 đồng/tấn; năm 2022 là 100.000 đồng/tấn) như đã thực hiện trong giai đoạn Nguyễn Văn C làm Chi Cục trưởng, Nguyễn Thị A đồng ý và giao cho B thực hiện. Căn cứ biểu mẫu hướng dẫn của Cục Y, B đã lập không 06 bộ hồ sơ thanh toán tiền bốc vác, trình Nguyễn Thị A ký hoàn thiện thủ tục để thanh, quyết toán tiền bốc xếp sát với định mức của Cục Y.

Đề lập hồ sơ thanh, quyết toán không, B mượn bản photo Chứng minh nhân dân và sổ tài khoản của Nguyễn Thế F, Hoàng Quốc G (số tài khoản 7902205107910 Agribank), Lê G H (số tài khoản 41210000064840 BIDV), cùng trú tại tiểu khu 13, thị trấn MC, huyện MC. Tổng số tiền Kho bạc nhà nước MC chuyển vào tài khoản của F, G, H theo Giấy rút dự toán ngân sách các ngày 05/5/2021, 23/3/2022, 29/3/2022, 13/4/2022 và ngày 12/5/2022 là 993.401.300 đồng (sau trừ 10% thuế thu nhập cá nhân).

Nguyễn B nhờ những người đứng tên trong hồ sơ ra ngân hàng ký thủ tục rút tiền và chuyển lại toàn bộ số tiền trên cho B. B chuyển số tiền nhận cho A. A trực tiếp chi trả số tiền bốc vác thực tế $34.000 \text{ đồng/tấn} \times 11.307,733 \text{ tấn} = 384.462.900 \text{ đồng}$ cho Lò Văn E. Số tiền 608.938.400 đồng chênh lệch còn lại A, B quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn B khai nhận: số tiền chênh lệch có được từ việc lập không hồ sơ so với tiền chi trả thực tế công bốc vác đã được trích ra chi cho cán bộ, nhân viên trong Chi cục, mỗi người từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng và chi vào việc ăn uống, liên hoan, sửa chữa Chi cục; một phần được trích ra chi nộp cho Cục Y qua Kế toán trưởng là Nguyễn Thị J theo mức 35.000 đồng/tấn. Tuy nhiên, ngoài lời khai của các bị cáo, không có căn cứ khác chứng minh.

Những người khác có liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Thế F, Hoàng Quốc G, Lê G H (là những người đứng tên trong hồ sơ thanh toán) - CQ điều tra xác định không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên.

Tại cáo trạng số: 33/CT-VKS-P3 ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 BLHS.

Truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm b khoản 2 Điều 356 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356, điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn B từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 356, điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2

Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến tài chính kế toán đối với bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B trong thời hạn nhất định kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn B phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 154.102.000 đồng theo tỷ lệ C (02 phần), B (01 phần); Đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Thị A và Nguyễn B phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 608.938.400 đồng theo tỷ lệ A (2 phần), B (01 phần). Trên cơ sở khấu trừ các khoản tiền mà các bị cáo và gia đình bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả.

+ Do bị cáo C đã nộp tiền vượt quá trách nhiệm bồi thường theo phần nên cần buộc bị cáo B phải bồi hoàn cho bị cáo C số tiền vượt quá mà bị cáo C đã nộp.

- Về vật chứng:

+ Trả lại cho các bị cáo điện thoại đã thu giữ trong quá trình điều tra do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Trả lại cho Cục Y 01 cây máy tính nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300.

+ Trả lại cho Chi cục X 01 cây máy tính nhãn hiệu HP và 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL; 09 bộ hồ sơ (bản gốc) bóc xuất, nhập kho các năm 2020, 2021, 2022.

Các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo 01 bản gốc Quyết định về việc giải quyết cho công chức được nghỉ hưu trước tuổi hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo chính sách tỉnh giảm biên chế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C3 xác định số tiền 131.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Văn C là tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu bị cáo C phải trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị B3 xác định số tiền 30.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn B là tài sản chung vợ chồng và không yêu cầu bị cáo B phải trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cục Y xác định 01 (một) cây nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 bị thu giữ trong vụ án là tài sản công thuộc quản lý của Cục Y. Quá trình quản lý đã giao cho Nguyễn Thị A sử dụng, bảo quản. Cục

Y đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản trên cho đơn vị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi Cục X xác định 01 cây máy tính nhãn hiệu HP Seri SGH248QBNV và 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, Service Tag 28S80T1 bị thu giữ trong vụ án là tài sản công thuộc quản lý của Chi cục X. Quá trình quản lý đã giao cho Nguyễn B sử dụng, bảo quản. Chi cục X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản trên cho đơn vị; Đề nghị trả lại cho đơn vị 09 bộ hồ sơ (bản gốc) xuất, nhập kho các năm 2020, 2021, 2022 để lưu trữ, thanh quyết toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên CQ an ninh điều tra Công tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của CQ tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của CQ tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C:

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Nguyễn B cùng khai nhận:

Trong giai đoạn từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020, thực hiện nhiệm vụ của Cục Y giao cho Chi cục X về việc nhập kho 2400 tấn gạo và xuất kho 542,919 tấn gạo (tổng cộng 2.942,919 tấn), với mục đích vụ lợi, Nguyễn Văn C - Chi cục trưởng đã thuê tổ bốc vác do Bùi Văn D (trú tại tiểu khu TN, thị trấn NTMC, huyện MC) làm đại diện, thực hiện việc bốc xếp số gạo nêu trên với đơn giá 34.000 đồng/tấn đồng thời C chỉ đạo Nguyễn B - trưởng bộ phận Tài vụ quản trị kiêm kế toán trưởng của chi cục lập 03 (ba) hồ sơ thanh toán bốc vác vượt quá giá trị bốc vác thực tế (đơn giá 95.000 đồng/tấn) theo 03 đợt nhập, xuất kho.

Nguyễn B đã nhờ người thân (Nguyễn Thế F là chú rể) đứng tên để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán và rút tiền giao lại cho B. Đối với số tiền rút được từ Ngân sách Nhà nước (254.161.200 đồng), B chuyển cho C, C trực tiếp chi trả tiền bốc vác thực tế là 100.059.200 đồng cho Bùi Văn D, số tiền chênh lệch là 154.102.000 đồng. Sau khi trích nộp 35.000 đồng/ tấn cho Kế toán Cục Y và chi cho hoạt động chung của đơn vị, số tiền còn lại C, B chia nhau theo tỷ lệ C 02 phần, B 01 phần.

- Bị cáo Nguyễn Thị A và bị cáo Nguyễn B cùng khai nhận:

Trong giai đoạn từ tháng 07/2020 đến tháng 5/2022, thực hiện nhiệm vụ của Cục Y giao cho Chi cục X về việc nhập kho 6900 tấn gạo và xuất kho 4.407,733 tấn gạo (tổng cộng 11.307,733 tấn), với mục đích vụ lợi và căn cứ theo ý kiến tham mưu, đề xuất của Nguyễn B, Nguyễn Thị A - Chi cục trưởng đã thuê tổ bốc vác do Lò Văn E (trú tại tiểu khu TN, thị trấn NTMC, huyện MC) làm đại diện, thực hiện việc bốc xếp số gạo nêu trên với đơn giá 34.000 đồng/tấn, đồng thời A đồng ý để Nguyễn B lập 06 (sáu) hồ sơ thanh toán bốc vác vượt quá giá trị bốc vác thực tế (đơn giá 95.000 đồng/tấn năm 2020, 2021, đơn giá 100.000 đồng/ tấn năm 2022).

Nguyễn B đã nhờ người thân (Nguyễn Thế F là chú rể, Hoàng Quốc G là bố vợ, Lê G H là anh rể) đứng tên để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán và rút tiền giao lại cho B. Đối với số tiền rút được từ Ngân sách Nhà nước (993.401.300 đồng), B chuyển cho A, A trực tiếp chi trả tiền bốc vác thực tế là 384.462.900 đồng cho Lò Văn E, số tiền chênh lệch là 608.938.400 đồng. Sau khi trích nộp 35.000 đồng/ tấn cho Kế toán Cục Y và chi cho hoạt động chung của đơn vị, số tiền còn lại A, B chia nhau theo tỷ lệ A 02 phần, B 01 phần.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn B tại phiên tòa về thời gian, động cơ, diễn biến quá trình thực hiện hành vi thống nhất, phù hợp với nhau; thống nhất phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án như:

- Bảng sao kê tài khoản Ngân hàng của các tài khoản nhận tiền theo Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước;

- Lời khai của những đối tượng liên quan gồm Bùi Văn D, Lò Văn E, Nguyễn Thế F, Hoàng Quốc G, Lê G H.

- Các tài liệu, hồ sơ thanh quyết toán:

- + Hợp đồng số 01/2020/HDDVBV ngày 02/3/2020 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 17/3/2020;

- + Hợp đồng số 02/2020/HDDVBV ngày 10/3/2020 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 19/3/2020;

- + Hợp đồng số 09/2020/HDDVBV ngày 10/3/2020 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 19/3/2020;

- + Hợp đồng số 12/2020/HDDVBV ngày 14/9/2020 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 11/10/2020;

- + Hợp đồng số 09/2021/HDDVBV ngày 31/3/2021 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 05/5/2021;

+ Hợp đồng số 01/2022/HDDVBV ngày 01/3/2022 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 23/3/2022;

+ Hợp đồng số 04/2022/HDDVBV ngày 23/3/2022 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 29/3/2022;

+ Hợp đồng số 05/2022/HDDVBV ngày 31/3/2022 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 13/4/2022;

+ Hợp đồng số 09/2022/HDDVBV ngày 11/4/2022 và Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ngày 12/5/2022;

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở kết luận:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao từ tháng 01 năm 2020 đến hết tháng 6 năm 2020: Bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn B vì mục đích vụ lợi đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm trái công vụ (03 lần lập hồ sơ thanh quyết toán tiền bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế) gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 154.102.000 đồng;

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao từ tháng 7 năm 2020 đến hết tháng 5 năm 2022: Bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B vì mục đích vụ lợi đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm trái công vụ (06 lần lập hồ sơ thanh quyết toán tiền bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế) gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 608.938.400 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C đã phạm vào tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo Điều 356 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận: số tiền chênh lệch có được từ việc lập hồ sơ không được trích một phần (35.000 đồng/tấn) nộp cho Cục Y theo yêu cầu của ông Nguyễn Y (cục trưởng Cục Y) thông qua Nguyễn Thị J - Kế toán trưởng; trích chi cho cán bộ, nhân viên trong Chi cục mỗi người từ 1000.000 đồng - 1.500.000 đồng, chi vào việc ăn uống, liên hoan, sửa chữa Chi cục. Tuy nhiên những đối tượng liên quan đều phủ nhận sự việc như các bị cáo trình bày. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có căn cứ khác chứng minh nên buộc các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước do hành vi phạm tội của mỗi bị cáo tương ứng theo từng giai đoạn.

[3] Khung hình phạt áp dụng:

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo B 03 (ba) lần thực hiện hành vi lập hồ sơ thanh quyết toán tiền bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước các lần là 22.073.839 đồng, 6.355.375 đồng và 125.672.727 đồng (tổng thiệt hại là 154.102.000 đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo B 06 (sáu) lần thực hiện hành vi lập hồ sơ thanh quyết toán tiền bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước các lần là 123.538.200 đồng, 154.500.000 đồng, 56.131.208 đồng, 5.997.600 đồng, 50.371.440 đồng, 218.400.000 đồng (tổng thiệt hại là 608.938.400 đồng).

Bị cáo Nguyễn B phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo C 03 (ba) và cùng bị cáo A (06) lần thực hiện hành vi lập hồ sơ thanh quyết toán tiền bốc vác hàng hóa nhập, xuất kho nhiều hơn tiền thuê thực tế gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là 763.040.389 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự;

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B đã phạm vào 02 tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Gây thiệt hại tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Đều có khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[4] Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Nguyễn B là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 154.102.000 đồng; cùng nhau hưởng lợi.

Bị cáo Nguyễn Thị A và bị cáo Nguyễn B là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 608.938.400 đồng; cùng nhau hưởng lợi.

Bị cáo C là Chi cục trưởng - chủ tài khoản đơn vị (giai đoạn từ tháng 01/2020 đến hết tháng 6/2020); đã chỉ đạo bị cáo B; còn bị cáo A là Chi cục trưởng - chủ tài khoản đơn vị (giai đoạn từ tháng 07/2020 đến hết tháng 5/2022) sau khi được bị cáo B - Kế toán trưởng đề xuất đã đồng ý, thống nhất cùng B thực hiện không đúng nguyên tắc tài chính kế toán, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Với vai trò là người đứng đầu phụ trách điều hành, chịu trách nhiệm chung đối với mọi hoạt động của Chi cục X thì các bị cáo C, A phải chịu trách nhiệm chính.

Xét vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 58 để xem xét, đánh giá khi lượng hình đối với từng bị cáo.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo, gia đình các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C đã chủ động, tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả (Nguyễn Văn C: 131.000.000 đồng, Nguyễn Thị A: 100.000.000 đồng, Nguyễn B 30.000.000 đồng), là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C đã nộp khắc phục số tiền tương ứng với gần như toàn bộ giá trị thiệt hại mà bị cáo C và bị cáo B đã cùng nhau gây ra, đây là tình tiết cần xem xét, đánh giá khi lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C là người có thành tích xuất sắc trong công tác được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn B chủ động thành khẩn khai báo ngay từ đầu (*trước thời điểm khởi tố vụ án*), tự khai nhận hành vi phạm tội do mình và các bị cáo khác gây ra, giúp CQ điều tra củng cố tài liệu, chứng cứ thuận lợi, sớm kết thúc vụ án nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn B có thân nhân là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới hoạt động đúng đắn và lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và giá trị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước do hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Đồng thời, xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo.

Căn cứ các phân tích, đánh giá tại các mục [3], [4], [5], xét cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C - Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Hình phạt bổ sung:

Cần áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự, cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán trong một thời hạn nhất định đối với các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B.

Bị cáo Nguyễn Văn C đã hết tuổi lao động, là người cao tuổi nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Trách nhiệm dân sự:

Về khoản tiền chênh lệch sau khi chi thực tế tiền thuê bốc vác, các bị cáo xác định sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, phần tiền dư còn lại các bị cáo hưởng lợi theo tỷ lệ C 2 : B 1 và A 2 : B 1. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có căn cứ chứng minh cho các khoản mà các bị cáo đã chi từ số tiền chênh lệch. Do các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường đối với thiệt hại xảy ra theo từng giai đoạn cụ thể theo phần tỷ lệ hưởng lợi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587 Bộ luật dân sự.

Tổng số tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là: 763.040.389 đồng, làm tròn: 763.040.000 đồng, gồm:

- *Khoản thiệt hại 154.102.000 đồng:* Bị cáo C và bị cáo B phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường đối với khoản thiệt hại trên theo tỷ lệ hưởng lợi số tiền chênh lệch (C 2 : B 1), theo phần bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường số tiền là 102.734.667 đồng; bị cáo Nguyễn B phải bồi thường số tiền là 51.367.333 đồng.

- *Khoản thiệt hại 608.938.400 đồng:* Bị cáo A và bị cáo B phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường đối với khoản thiệt hại trên theo tỷ lệ hưởng lợi số tiền chênh lệch (A 2 : B 1), theo phần bị cáo Nguyễn Thị A phải bồi thường số tiền là 405.958.933 đồng; bị cáo Nguyễn B phải bồi thường số tiền là 202.979.467 đồng.

Như vậy, trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước theo phần của mỗi bị cáo được xác định như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Văn C: 102.734.667 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Thị A: 405.958.933 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn B: 254.346.800 đồng.

- Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn C và gia đình bị cáo đã nộp 131.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, cần chấp nhận. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn C đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường. Đối với khoản tiền 28.265.333 đồng nộp khắc phục vượt quá giá trị bồi thường tính theo phần của bị cáo C, được xác định là phần bị cáo C thay bị cáo B bồi thường thiệt hại cho Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Thị A đã nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, cần chấp nhận. Bị cáo Nguyễn Thị A còn phải bồi thường tiếp cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 305.958.965 đồng, làm tròn: 305.959.000 đồng.

- Gia đình bị cáo Nguyễn B đã thay mặt bị cáo nộp 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, cần chấp nhận. Cùng với số tiền 28.265.333 đồng được xác định bị cáo C thay bị cáo B bồi thường thiệt hại cho Nhà nước thì tổng giá trị đã bồi thường của bị cáo B là 58.265.333 đồng. Bị cáo Nguyễn B còn phải bồi thường cho Ngân sách Nhà nước số tiền là: 196.081.467 đồng, làm tròn: 196.081.000 đồng. Đồng thời cần buộc bị cáo Nguyễn B phải bồi hoàn lại số tiền 28.265.333 đồng, làm tròn: 28.265.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn C.

[9] Đối với những người khác có liên quan trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Thị J - Kế toán trưởng và Nguyễn Y - Cục trưởng Cục Y: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn B đều khai nhận số tiền chênh lệch có được từ việc lập khống hồ sơ so với tiền chi trả thực tế công bốc vác đã được trích ra chi nộp cho Cục Y qua Kế toán trưởng là Nguyễn Thị J theo mức 35.000 đồng/tấn; Nguyễn Thị A còn khai nhận việc trích nộp trên theo chỉ đạo của Cục trưởng Nguyễn Y. Tiến hành lấy lời khai của Nguyễn Thị J, Nguyễn Y cũng như thực hiện việc đối chất, các đối tượng trên đều phủ nhận nội dung trên (*Bút lục 894-903, 912-915*). Ngoài lời của các bị cáo, không còn căn cứ nào khác chứng minh. Do đó, không có căn cứ để khởi tố đối với các đối tượng trên.

Đối với Nguyễn Thế F, Hoàng Quốc G, Lê G H, Nguyễn Văn Hòa: Quá trình điều tra xác định F, G, H khi cho B mượn tài khoản, phô tô Chứng minh nhân dân, ký vào tài liệu trong hồ sơ thanh, quyết toán khống số tiền công bốc vác và đi rút tiền cho B, những người này vì tin tưởng B nói người bốc vác thuê cho Chi Cục là nông dân, không có sổ tài khoản nên không thanh toán được với nhà nước, họ không biết B sử dụng giấy tờ và tài khoản để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Văn Hòa - là người trực tiếp ký vào Tờ trình đề nghị phê duyệt dự toán gói thầu, Tờ trình đề nghị phê duyệt nhà thầu với vai trò đại diện Bộ phận kỹ thuật bảo quản, việc ký của Hòa thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, căn cứ trên tài liệu, hồ sơ do B cung cấp, Hòa không biết việc B lập khống hồ sơ gói thầu. Việc CQ điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[10] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh, mức hình phạt; Trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[11] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 thu giữ của bị cáo Nguyễn

Thị A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu của bị cáo Nguyễn B, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 bản gốc Quyết định về việc giải quyết cho công chức được nghỉ hưu trước tuổi hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo chính sách tinh giản biên chế thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C trong vụ án, là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả lại.

Đối với 01 cây máy tính nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 là tài sản công thuộc quản lý của Cục Y. Do đó cần trả lại cho Cục Y.

Đối với 01 cây máy tính nhãn hiệu HP Seri SGH248QBNV và 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, Service Tag 28S80T1 và 09 bộ hồ sơ (bản gốc) xuất, nhập kho các năm 2020, 2021, 2022 là tài sản công và chứng từ kế toán thuộc quản lý của Chi cục X. Do đó cần trả lại cho Chi cục X.

[12] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B, Nguyễn Văn C phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 23/02/2023; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thị A đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

2.2. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356, điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn B 03 (ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/8/2022).

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn B đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán với thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356, điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/9/2022).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

3. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Ngân sách Nhà nước số tiền 102.734.667 đồng. Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn C và gia đình bị cáo đã nộp số tiền 131.000.000 đồng để bồi thường cho Ngân sách Nhà nước theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 24/8/2022 (người nộp: Nguyễn Văn C) và giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 21/10/2022 (người nộp: Phạm Thị C3) tại tài khoản số 3949.0.9031133 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La. Bị cáo Nguyễn Văn C đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường. Chấp nhận bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng khoản tiền 28.265.333 đồng nộp khắc phục vượt quá giá trị bồi thường tính theo phần của bị cáo Nguyễn Văn C, để thay bị cáo Nguyễn B bồi thường thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn B phải bồi thường cho Ngân sách Nhà nước số tiền 254.346.800 đồng. Chấp nhận việc gia đình bị cáo Nguyễn B đã nộp số tiền 30.000.000 đồng thay cho bị cáo để bồi thường cho Ngân sách Nhà nước theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 06/10/2022 (người nộp: Hoàng Thị B3) tại tài khoản số 3949.0.9031133 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La. Chấp nhận khoản tiền 28.265.333 đồng của bị cáo Nguyễn Văn C được sử dụng để bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn B. Bị cáo Nguyễn B phải bồi thường tiếp cho Ngân sách Nhà nước số tiền là: 196.081.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn B phải bồi hoàn cho bị cáo Nguyễn Văn C số tiền là 28.265.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị A phải bồi thường cho Ngân sách Nhà nước số tiền 405.958.933 đồng, làm tròn: 405.959.000 đồng. Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị A đã nộp số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường cho Ngân sách Nhà nước theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 15/8/2022 tại tài khoản số 3949.0.9031133 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La. Bị cáo Nguyễn Thị A còn phải bồi thường tiếp cho Ngân sách Nhà nước số tiền là: 305.959.000 đồng (Ba trăm linh năm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, mặt lưng màu trắng, mặt màn hình màu đen, có in ký tự Redmi, kèm 01 sim trong máy, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn C trong vụ án, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì do Bưu điện phát hành, còn nguyên niêm phong;

+ 01 (một) bản gốc Quyết định số 171/QĐ-CDTTB ngày 30/6/2020 của Cục Y về việc giải quyết cho công chức được nghỉ hưu trước tuổi hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo chính sách tinh giản biên chế (Hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị A: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Thị A trong vụ án, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì do Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sơn La phát hành, còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn B: 02 (hai) điện thoại di động, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 pro max màu đen - xám, bên ngoài có ốp bằng nhựa dẻo màu xanh - đỏ - ghi, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn B trong vụ án;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen có 02 imei và có 04 số cuối, Imei 1: 0976; Imei 2: 3774, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn B trong vụ án.

- Trả lại cho Cục Y: 01 (một) Cây máy tính nhãn hiệu HP Compaq pro 6300, màu đen, đã qua sử dụng, trên máy tính có dòng chữ “Cây máy tính KX nơi làm việc của B/c Nguyễn Thị A 17.8.2022” và có dán 03 giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong; số 095756; 095755; 095757; và có 06 hình dấu tròn đỏ của CQ CSĐT - Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong của Đinh Thanh Tùng, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn Thị A.

- Trả lại cho Chi cục X:

+ 01 (một) Cây máy tính nhãn hiệu DELL màu đen, Service Tag: 28S80T2, đã qua sử dụng, trên cây máy tính có dòng chữ “Máy tính Nguyễn B” và có dán 02 giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong; số 095761; 095760 và có 04 hình dấu tròn đỏ của CQ CSĐT - Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong của Đinh Thanh Tùng, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn B;

+ 01 (một) Cây máy tính nhãn hiệu Hp màu đen, Seri: SGH248QBNV màu đen, đã qua sử dụng, trên cây máy tính có dòng chữ “Máy tính Nguyễn B” và có dán 03 giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong; số 095763; 095764 và có 06 hình dấu tròn đỏ của

CQ CSĐT - Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong của Đinh Thanh Tùng, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn B;

+ 09 (chín) bộ hồ sơ (bản gốc) xuất, nhập kho các năm 2020, 2021, 2022 (Theo biên bản giao nhận giữa Chi cục X và Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Sơn La ngày 10/8/2022, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.
- Các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Bị cáo Nguyễn B phải chịu 11.217.000 đồng (mười một triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 15.298.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/4/2023).

Nơi nhận:

- Tòa án ND Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Sơn La;
- Phòng PA03-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến

